

Quan hệ giữa dịch vụ công trong nông thôn và thu nhập của hộ nông dân

LÊ HỮU ANH
BÙI THỊ LÂM

Dịch vụ công trong nông thôn có vai trò định hướng phát triển nông thôn bền vững và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Trong phạm vi kinh tế hộ nông dân, dịch vụ công góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, hạn chế phân hóa giàu nghèo, hỗ trợ người nghèo. Tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trong nông thôn tác động trực tiếp và gián tiếp đến tăng thu nhập và cải thiện cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ nông dân. Bài viết này góp phần làm rõ quan hệ dịch vụ công với thu nhập của hộ nông dân, quan hệ giữa dịch vụ công với xu hướng phân hóa giàu nghèo, bảo đảm công bằng trong đóng góp và hưởng lợi giữa các nhóm hộ nông dân; đề xuất ý kiến về định hướng nâng cao chất lượng cung ứng, quản lý dịch vụ công, nhằm tác động tốt hơn đến phát triển nông thôn và cải thiện quan hệ với thu nhập của hộ nông dân.

Dịch vụ công là bộ phận quan trọng trong nhiệm vụ chi tiêu công từ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện chức năng quản lý của nhà nước (Chu Văn Thành, 2007). Tác động của dịch vụ công trên phạm vi vĩ mô thông qua các chính sách tạo thành hệ thống dịch vụ công đến với hầu hết các hoạt động trong nền kinh tế và các thành phần dân cư.

Dịch vụ công chủ yếu trong nông thôn (dịch vụ công kinh tế, dịch vụ công xã hội, dịch vụ công ích...) thể hiện vai trò của Nhà nước trong khu vực nông thôn. Các dịch vụ công không chỉ tác động đến phát triển nông thôn nói chung, mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, đến các đối tượng sử dụng dịch vụ, trong đó có hộ nông dân.

Nhà nước, thông qua vai trò của dịch vụ công, định hướng phát triển nông thôn theo hướng ổn định và bền vững (Báo cáo phát triển Việt Nam, 2010). Điều đó có nghĩa là dịch vụ công phải góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện cơ cấu thu nhập của hộ nông dân, hạn chế phân hóa giàu nghèo trong phát triển, thúc đẩy tăng trưởng giảm nghèo, khuyến khích mọi đối tượng trong

nông thôn tiếp cận và hưởng lợi bình đẳng với dịch vụ công. Vấn đề đặt ra trong thực tế là khi dịch vụ công giải quyết mục tiêu tổng quát nhằm phát triển nông thôn, thì dịch vụ công đã bảo đảm mọi đối tượng hưởng lợi đều đạt đến mục tiêu như nhau (Ngân hàng Thế giới, 1996).

1. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi chọn 3 tỉnh, thành phố tại "tam giác phát triển" vùng đồng bằng sông Hồng là Hà Nội, Hải Phòng và Bắc Ninh để khảo sát hộ nông dân, bởi vì đây là những trọng điểm có kinh tế nông thôn phát triển và dịch vụ công trong nông thôn tốt hơn các địa phương khác. Mỗi tỉnh, thành phố chúng tôi chọn 2 huyện (mỗi huyện 1 xã) theo tiêu chí xã ở gần trung tâm và xã ở xa trung tâm đô thị để so sánh sự khác biệt. Số hộ nông dân khảo sát mỗi xã là 45 hộ. Tổng số hộ khảo sát cả 3 tỉnh, thành là 270 hộ. Tỷ lệ hộ được chọn để khảo sát theo cơ cấu trình độ kinh tế hộ hiện hành ở từng địa phương.

Lê Hữu Anh, PGS.TS.; Bùi Thị Lâm, ThS., Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Phương pháp phân tích chủ yếu là thống kê mô tả và thống kê so sánh trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các hộ điều tra. Hệ số Gini được tính theo Frank Cowell (1998).

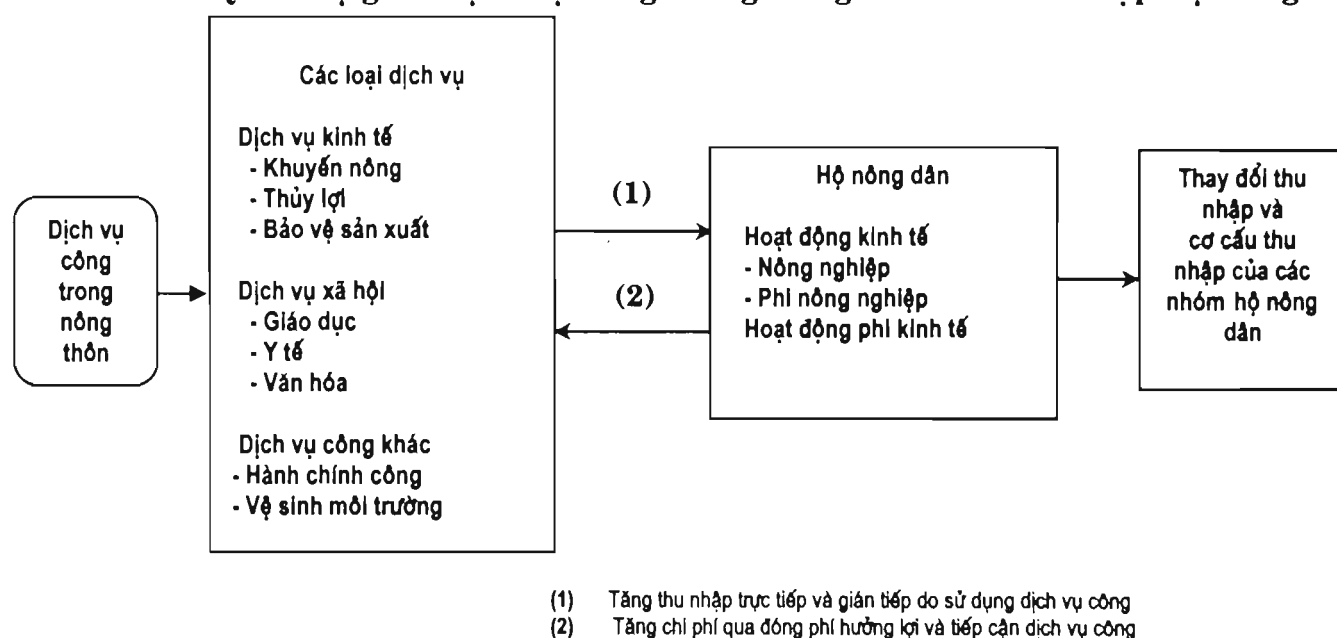
2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Quan hệ giữa dịch vụ công trong nông thôn và thu nhập trong các nhóm hộ nông dân

Dịch vụ công trong nông thôn tác động trực tiếp đến hoạt động kinh tế của hộ và tác động thông qua cộng đồng. Các dịch vụ kinh tế như: khuyến nông, thủy lợi, bảo vệ sản xuất... sẽ trực tiếp làm thay đổi thu nhập của hộ nhưng cũng làm tăng chi phí qua đóng phí tiếp cận và hưởng lợi từ các

dịch vụ. Các dịch vụ giáo dục, y tế, xã hội,... tác động đến hộ qua hưởng lợi từ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, phòng trị bệnh, nâng cao đời sống tinh thần..., từ đó nâng cao chất lượng đời sống, nhưng cũng làm tăng chi tiêu của hộ qua đóng phí và quỹ hưởng lợi dịch vụ. Các dịch vụ công qua cộng đồng cơ sở như vệ sinh môi trường, nước sạch, điện sáng công cộng... cũng tác động đến hộ qua hưởng lợi và đóng phí dịch vụ. Hình 1 mô tả khái quát các loại dịch vụ chủ yếu và quan hệ của chúng với kinh tế hộ nông dân, từ đó làm thay đổi thu nhập và cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ nông dân.

HÌNH 1. Quan hệ giữa dịch vụ công trong nông thôn và thu nhập hộ nông dân



2.2. Dịch vụ công trong nông thôn và phân hóa giàu nghèo giữa các nhóm hộ nông dân

Chúng tôi lấy đối tượng so sánh là các hộ nông dân ở các xã gần trung tâm đô thị có kinh tế phát triển và các xã xa trung tâm với thu nhập nông nghiệp là chủ yếu để so sánh. Trên thực tế, chất lượng dịch vụ của các xã gần trung tâm bao giờ cũng tốt hơn các xã xa trung tâm đô thị do có hạ tầng tốt hơn, đầu tư giáo dục, y tế đạt chuẩn hơn, các dịch vụ kinh tế "đầu nguồn" nên cũng được quan tâm hơn. Liệu chất lượng dịch vụ công

tốt hơn có hạn chế phân hóa thu nhập giữa các nhóm hộ?

Bảng 1 phản ánh mức thu nhập bình quân theo hộ, theo khẩu trong hộ nông dân ở các xã ven trung tâm, các xã xa trung tâm và hệ số Gini tính theo thu nhập đó. Kết quả cho thấy:

Thu nhập bình quân của các hộ nông dân các xã ven trung tâm cao hơn các hộ sống xa trung tâm gần 2 lần.

Hệ số Gini tính theo thu nhập bình quân của các hộ vùng ven trung tâm đều cao hơn vùng xa trung tâm.

Vậy phải chăng dịch vụ công tốt hơn ở khu vực ven trung tâm có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế chung, tăng thu nhập cho hộ

nông dân, nhưng dường như đã không hạn chế được sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng về thu nhập giữa các hộ nông dân.

BẢNG 1: Thu nhập bình quân và hệ số Gini tại các xã nghiên cứu năm 2009

	Thu nhập/năm (triệu đồng)		Hệ số Gini	
	Bình quân/hộ (n=268)	Bình quân/khẩu (n=1198)	Tính theo thu nhập bình quân/hộ	Tính theo thu nhập bình quân/người
Tính chung	61,44	13,75	0,50	0,52
Các xã ven trung tâm	78,93	18,32	0,53	0,55
Các xã xa trung tâm	44,33	9,65	0,50	0,49

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra, 2010.

2.3. Về đóng góp và hưởng lợi từ dịch vụ công theo các nhóm hộ

Nguồn lực để duy trì dịch vụ công được hình thành chủ yếu từ các đóng góp qua thuế và phí của dân. Để mua vật tư cho sản xuất và mua hàng hóa chi dùng cho cuộc sống hàng ngày, người dân phải đóng khoản thuế gián thu cho Nhà nước qua giá vật tư và hàng hóa. Mặt khác, để hưởng lợi từ dịch vụ công, người dân còn phải đóng các khoản chi trực tiếp (nộp quỹ, phí) cho từng dịch vụ và cho cộng đồng thôn, xã. Chẳng hạn, để hưởng dịch vụ công giáo dục miễn phí cấp tiểu học, học sinh phải đóng phí thông qua Hội cha mẹ học sinh, qua Chi đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trường, qua nhà trường... các khoản phí và quỹ như trông xe đạp, ăn trưa, học bán trú, báo Đội, đồng phục, quỹ lớp... Hay để hưởng lợi dịch vụ từ cộng đồng như nước sạch, vệ sinh môi trường thì người dân phải đóng phí dịch vụ và quỹ hỗ trợ. Các khoản này tạo nên nguồn lực của dịch vụ công.

Bảng 2 cho thấy mức độ đóng góp qua thuế và đóng góp khác để được hưởng lợi dịch vụ công từ hoạt động kinh tế và phi kinh tế theo các nhóm hộ dân. Nhóm hộ giàu có thu nhập cao hơn nhưng các đóng

góp qua thuế và các đóng góp trực tiếp để hưởng lợi từ dịch vụ công, đóng góp cho cộng đồng không có sự khác biệt quá lớn so với hộ trung bình và nghèo. Điều đó có nghĩa là nguồn lực dịch vụ công và tiếp cận dịch vụ công là khá bình đẳng về mặt đóng góp giữa các nhóm hộ, nhưng so với thu nhập và cơ cấu thu nhập, tỷ trọng đóng góp của hộ nghèo cao hơn nhiều so với nhóm hộ giàu. Điều đó càng làm sâu sắc thêm phân hóa và bất bình đẳng giữa tiếp cận và hưởng lợi từ dịch vụ công giữa các nhóm hộ nông dân. Bảng 3 phản ánh quan hệ giữa chi, thu của từng nhóm hộ với các khoản đóng góp nói chung và đóng góp cho từng hoạt động nói riêng. Nhóm hộ nghèo đã không có lợi thế từ hưởng lợi dịch vụ công so với hộ giàu.

Tổng đóng góp (thuế, phí) của hộ nghèo chiếm gần 50% thu nhập so với 8% của hộ giàu, trong đó riêng các khoản đóng góp trực tiếp tại cơ sở của hộ nghèo đã chiếm 1/10 thu nhập cả năm, cao gấp 10 lần so với hộ giàu. Nếu chỉ lấy riêng đóng góp để hưởng lợi giáo dục thì hộ nghèo đã chiếm tới 21% nghĩa là hộ nghèo đang dành hơn 1/5 chi tiêu sinh hoạt và đời sống vào chi cho giáo dục (gấp hơn 3 lần tỷ lệ chi của hộ giàu).

BẢNG 2: Đóng góp từ các nhóm hộ nông dân tại các xã nghiên cứu năm 2009

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Tính chung	Nhóm hộ		
		Giàu	Trung bình	Nghèo
Thuế, phí từ chi phí sản xuất (*)	974	1548	704	207
Thuế, phí từ chi tiêu sinh hoạt(**)	2.412	2.889	2.269	1.666
Đóng góp trực tiếp để hưởng thụ dịch vụ công	4.158	4.552	4.138	3.305
Đóng góp cho thôn/xóm/xã	245	249	252	230
Tổng	7.609	9.238	7.364	5.408

Nguồn: Tính từ số liệu điều tra 2010, (Le Huu Anh et al, 2011).

Chú thích: (*): mức trung bình khoảng 5%; (**): mức trung bình khoảng 11%.

BẢNG 3: Tỷ trọng đóng góp giữa các nhóm hộ vùng nghiên cứu năm 2009

	Tính chung	Theo nhóm hộ (%)		
		Giàu	Trung bình	Nghèo
Thuế, phí và đóng góp trực tiếp/thu nhập của hộ	14,20	8,40	16,40	47,50
Trong đó: đóng góp trực tiếp/thu nhập của hộ	2,29	1,07	2,93	10,00
Đóng góp về giáo dục/chi đời sống của hộ	8,61	6,55	8,55	21,54

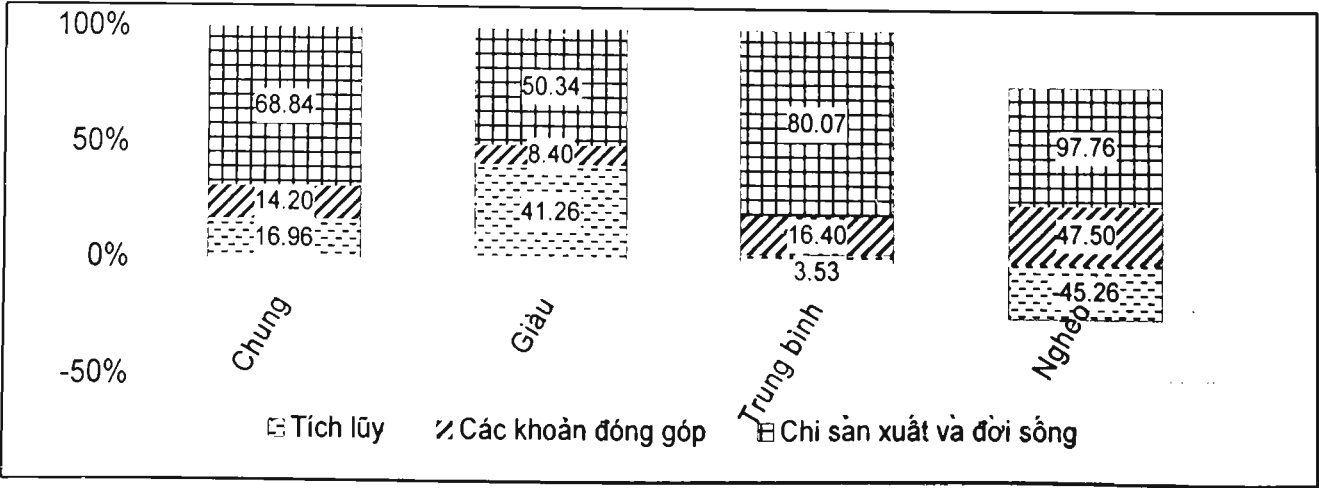
Nguồn: Số liệu điều tra 2010.

Như vậy, thuế và các khoản đóng góp khác từ thu nhập của người dân đã tạo ra hiệu ứng lũy thoái, nghĩa là khi có thu nhập càng thấp thì phải đóng góp càng nhiều (Bùi Thị Lâm, 2010). Hiệu ứng lũy thoái làm nghiêm trọng hơn mức độ nghèo và phân hóa giàu nghèo trong nông thôn, hay nói cách khác dịch vụ công đang hỗ trợ người giàu và đang không hỗ trợ người nghèo.

Nếu tổng thu nhập trong năm của hộ nông

dân được chia theo 3 phần: a) các khoản chi tiêu (cho sản xuất và đời sống); b) các khoản chi đóng góp (thuế và khác) và c) phần còn lại (để tích lũy), thì hình 2 cho thấy rõ thêm tình trạng sử dụng thu nhập giữa các nhóm hộ nông dân năm 2009. Hộ nghèo có tích lũy âm, nghĩa là thu nhập không đủ chi tiêu và đóng góp. Trong thực tế, đó là nhiều hộ nghèo phải bù đắp bằng vay nợ để duy trì kinh tế và đời sống.

HÌNH 2: Cơ cấu tích lũy của các nhóm hộ nông dân năm 2009



Nguồn: Số liệu điều tra 2010.

2.4. Định hướng nâng cao vai trò dịch vụ công trong phát triển nông thôn và cải thiện quan hệ dịch vụ công với thu nhập của các nhóm hộ nông dân

Vai trò của dịch vụ công nói chung và dịch vụ công trong nông thôn nói riêng phải tiếp tục thúc đẩy phát triển nông thôn theo hướng Nhà nước là chủ thể quyết định chất lượng cung ứng, lấy mục tiêu là phát huy năng lực cung ứng và quản lý dịch vụ công nhằm bảo đảm công bằng xã hội, tăng trưởng và phát triển vì người nghèo (Chu Văn Thành, 2007; Văn kiện Đại hội Đảng lần XI). Chúng tôi cho rằng các định hướng chủ yếu là:

Phát triển dịch vụ công kinh tế trong nông thôn phải tạo điều kiện cho nông thôn, nhất là các hộ nông dân trực tiếp tiếp cận được các tiến bộ công nghệ, từ đó tăng nhanh thu nhập theo định hướng bền vững.

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công nhưng phải trên cơ sở bảo đảm thu hút hết các đối tượng trong nông thôn tiếp cận và hưởng lợi những dịch vụ công cơ bản như: dịch vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn. Trong quá trình xã hội hóa, các khoản đóng góp và mức đóng góp của người dân phải đồng thời với cải thiện chất lượng dịch vụ và không làm nghèo thêm đối với các hộ khó khăn trong nông thôn.

Nâng cao chất lượng cung ứng cho người nghèo, vùng nghèo, nhằm bảo đảm tăng trưởng vì người nghèo qua dịch vụ công trong nông thôn.

Tiếp tục nghiên cứu các chính sách hạn chế hiệu ứng lũng thoai trong tiếp cận và hưởng lợi dịch vụ công trong nông thôn.

Thúc đẩy các đơn vị cung ứng trực tiếp gắn quyền lợi với trách nhiệm cung ứng, tạo động lực để họ quan tâm đến kết quả và chất lượng cung ứng dịch vụ công trong nông thôn.

Kết luận

Phát triển nông thôn không thể thiếu vai trò của dịch vụ công. Do điều kiện trình độ

kinh tế kém phát triển so với trung bình cả nước, nên dịch vụ công tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, hình thành hạ tầng cơ bản trong nông thôn, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Dịch vụ công tác động trực tiếp và gián tiếp đến thu nhập và cải thiện thu nhập của hộ nông dân.

Dịch vụ công trên thực tế một mặt tạo ra tác động chung một cách tích cực, nhưng mặt khác chưa hoàn toàn góp phần hạn chế phân hóa giàu nghèo, chưa tạo khả năng công bằng hơn nữa trong phát triển và chưa bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng để giảm nghèo.

Cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện chính sách để dịch vụ công làm đúng chức năng, vai trò của chủ thể nhà nước, nhưng không hạn chế tính xã hội hóa và hiệu quả của chi tiêu hướng vào chất lượng cung ứng dịch vụ trong nông thôn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Le Huu Anh, Giam Do Quang, Bui Thi Lam, Vu Ngoc Huyen, Tran Huu Cuong, 2011, "Equitability in Access to Rural Public Services in Vietnam: An Outlook from the Red River Delta", *International Business and Management*, Vol. 2, NO. 1, 28 Feb 2011.
2. Báo cáo phát triển Việt Nam, 2010, *Các thể chế hiện đại*, Báo cáo chung các nhà tài trợ Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, Hà Nội, 3-4 tháng 12 năm 2009.
3. Frank Cowell, 1998, *Mesurement of Inequanlity*, London School of Economics and Political Science, truy cập 28/05/2010, từ trang web <http://sticerd.lse.ac.uk/dps/darp/darp36.pdf>.
4. Bùi Thị Lâm, 2010, "*Nghiên cứu tác động của một số dịch vụ công chủ yếu trong nông thôn các tỉnh đồng bằng sông Hồng*", Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
5. Ngân hàng Thế giới, 1996, *Việt Nam phân cấp ngân sách và phân phối dịch vụ cho nông thôn*, Báo cáo số 15645-VN.
6. Chu Văn Thành, 2007, *Dịch vụ công - đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Văn kiện Đảng Đại hội XI, *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020*. <http://www.baotintuc.vn/503N20110322093531987T502/c-hien-luoc-phat-trien-kinh-texa-hoi-20112020.htm>.